

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2025

## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2024

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán

hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2024: 6.675.156,03 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-FIX sửa đổi, bổ sung lần thứ ba đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua vào ngày 24/04/2024.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ DFVN-FIX được trình bày chi tiết tại Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 ký ngày 24/04/2024 đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

[https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info\\_disclosure\\_doc/Nghi%20quyet%20Dai%20hoi%20Nha%20dau%20tu%20Thuong%20nien%20Nam%20Tai%20chinh%202023\\_DFVN-FIX.pdf](https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info_disclosure_doc/Nghi%20quyet%20Dai%20hoi%20Nha%20dau%20tu%20Thuong%20nien%20Nam%20Tai%20chinh%202023_DFVN-FIX.pdf)

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 24/04/2024, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua Báo cáo Tài chính Năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua Danh sách Thành viên Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2024-2029, Bổ nhiệm Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thông qua Thù lao Ban Đại diện Quỹ:
  - ✓ Thông qua Danh sách Thành viên Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2024-2029, bao gồm: (1) Ông Đỗ Hùng Việt; (2) Ông Huỳnh Văn Dũng; (3) Ông Nguyễn Gia Huy Chương;
  - ✓ Thông qua việc bổ nhiệm Ông Đỗ Hùng Việt giữ chức vụ Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2024-2029; Thông qua mức thù lao Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ/ tháng/ người và tổng thù lao trong năm 2024 là 108.000.000 VNĐ.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Năm Tài chính 2024 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:

- ✓ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không được vượt quá mức  $0,9\% * NAV / \text{năm}$  như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-FIX (Điều 61.1);
- ✓ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện;
- ✓ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ;
- ✓ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.

- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

## II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

- Danh mục của Quỹ DFVN-FIX:

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	20,28	37,78	38,56
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	11,04	3,10	3,10
3. Tài sản khác	68,68	59,12	58,34
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	75.950.396.455	68.877.011.888	63.434.389.971
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	11.378,07	11.024,66	10.193,01
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.675.156,03	6.247.540,38	6.223.320,66
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	11.378,07	11.108,17	10.354,10
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	10.916,59	10.195,65	10.061,64

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

<b>Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
<b>Tổng thu nhập của Quỹ</b>	3.547.891.694	6.623.586.739	1.957.940.169
- Tiền lãi được nhận	3.685.852.945	5.051.947.531	3.450.102.058
- Các khoản thu nhập khác	7.995.091	1.539.208	438.111
- Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(22.510.320)	-	-
- Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(123.446.022)	1.570.100.000	(1.492.600.000)
<b>Tổng chi phí của Quỹ</b>	1.257.329.416	1.453.990.745	1.435.189.614
<b>Tổng lợi nhuận của Quỹ</b>	2.290.562.278	5.169.595.994	522.750.555

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ:

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2024 (%)</b>	<b>Năm 2023 (%)</b>	<b>Năm 2022 (%)</b>
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,55	0,90	0,90
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,50	0,54	0,57
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,33	0,36	0,41
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,19	0,21	0,21
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,15	0,16	0,17
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị	1,74	2,18	2,27

tài sản ròng trung bình trong kỳ			
Tốc độ vòng quay danh mục	11,47	0,00	16,19

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
<b>Tổng lợi nhuận 3 năm gần nhất (VND)</b>	2.290.562.278	5.169.595.994	522.750.555

Tổng lợi nhuận bình năm của Quỹ tính từ ngày thành lập Quỹ (4/2/2021) tới ngày lập báo cáo: 2.164.736.559 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12 năm		
	2024	2023	2022
<b>1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	62.475.403.800	62.233.206.600	62.398.536.800
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	6.247.540,38	6.223.320,66	6.239.853,68
<b>2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	835.595,10	243.218,74	130.919,55
<i>Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i>	8.355.951.000	2.432.187.400	1.309.195.500
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)</i>	(407.979,45)	(218.999,02)	(147.452,57)
<i>Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	(4.079.794.500)	(2.189.990.200)	(1.474.525.700)
<b>3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)</i>	66.751.560.300	62.475.403.800	62.233.206.600
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)</i>	6.675.156,03	6.247.540,38	6.223.320,66
<b>4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)</b>	90,64	96,33	97,20
<b>5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)</b>	91,89	97,58	97,90

<b>6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)</b>	89,89	96,04	96,41
<b>7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	2.685	618	481
<b>8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)</b>	11.378,07	11.024,66	10.193,01

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

**4. Khuyến cáo:** Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

### III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Quỹ đã đạt mục tiêu đầu tư theo quy định tại bản cáo bạch.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

*Quỹ DFVN-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư như đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ, đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt và lợi suất hấp dẫn.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *Không có sự khác biệt đáng kể.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

*Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 đạt VND11.378,07 tăng 3.21% so với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 đạt VND11.024,66.*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ

đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Năm 2024, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức lớn từ xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chính sách bảo hộ thương mại gia tăng, nợ công và thâm hụt ngân sách cao. Một số nền kinh tế lớn suy giảm và chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, hòa bình, và ổn định toàn cầu. Đồng thời, thiên tai và thời tiết cực đoan tiếp tục gây tổn hại nghiêm trọng đến đời sống và phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu đã dần ổn định nhờ thương mại hàng hóa cải thiện, áp lực lạm phát giảm, điều kiện thị trường tài chính bớt căng thẳng và thị trường lao động phục hồi tích cực.

Đối với tình hình trong nước, Chính phủ đã tiếp tục áp dụng nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như yêu cầu các Ngân hàng thương mại giảm mặt bằng lãi suất cho vay; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế; ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực ưu tiên; giảm thuế VAT... Kết quả là tăng trưởng kinh tế cải thiện rõ rệt qua từng quý, lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu, các cân đối lớn duy trì ổn định, và nhiều lĩnh vực đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra. Tuy vậy tốc độ phục hồi tiêu dùng nội địa còn yếu, thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trong xu thế khó khăn, áp lực tỷ giá trong giai đoạn cuối năm 2024 tác động mạnh đến chính sách điều hành của Ngân hàng nhà nước.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Tính chung cả năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD (so với mức suất siêu năm 2023 là 28,4 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,52 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 50,29 tỷ USD. FDI tiếp tục ổn định, với tổng vốn thực hiện cả năm đạt 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%). Lạm phát trong năm 2024 được kiểm soát tốt, CPI tính đến tháng 12 năm 2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ. Đối với CPI bình quân cả năm tăng 3,63%, thấp hơn mức mục tiêu 4,5% của Quốc Hội đề ra. Tuy nhiên chỉ số PMI tháng 12/2024 giảm xuống dưới ngưỡng 50 tại mức 49,8 điểm so với 50,8 của tháng 11, cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể đã suy giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm vào thời điểm cuối năm 2024 khi NHNN duy trì phát hành tín phiếu nhằm giảm áp lực tỷ giá, qua đó lợi suất trái phiếu Chính Phủ có xu hướng tăng lên so với cùng kỳ, đặc biệt là ở các kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm. Về khối lượng phát hành, cả năm 2024, tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2024 là 330.376 tỷ đồng, tương đương 82,6% kế hoạch cả năm (400.000 tỷ đồng).

Năm 2025, Chính phủ đã tiếp tục đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công thông qua các dự án hạ tầng nhiều tham vọng và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng. Do đó thị trường Trái phiếu Chính phủ đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò then chốt trên thị trường Trái phiếu, và là kênh huy động vốn quan trọng của Nhà nước cho nhu cầu vốn của ngân sách, giải ngân đầu tư công trong năm 2025 và các năm sau.

Với việc kiểm soát tốt lạm phát trong nước, và kỳ vọng vào rủi ro tỷ giá trong năm 2025 sẽ hạ nhiệt, Ngân hàng nhà nước sẽ có những cơ sở tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng và nỗ lực duy trì mặt bằng lãi suất hợp lý nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế. Thanh khoản hệ thống có thể dồi dào hơn, đồng thời kế hoạch phát hành dự kiến tăng cao của Kho bạc cho nhu cầu đầu tư công của Chính Phủ sẽ là những động lực giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ tiếp tục sôi động trong năm 2025.

Riêng đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn niềm tin suy giảm kết hợp với dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro. Tuy nhiên đã có tín hiệu cho thấy xu hướng trở lại của hoạt động phát hành mới từ trong năm 2024. Bên cạnh đó thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp được vận hành chính thức tại HNX từ ngày 19/7/2023 đã tạo sự thanh khoản trên thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, hỗ trợ thị trường này phát triển minh bạch và bền vững hơn trong tương lai.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *Không có*

#### **IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024:**

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã có quy trình phát hành và mua lại



chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan  
f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

#### **V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2024:

<b>Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền</b>	<b>Tỷ lệ so với lợi nhuận (%)</b>	<b>Tỷ lệ so với thu nhập (%)</b>	<b>Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (%)</b>
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở	4,61	2,98	8,40
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	5,76	3,72	10,50

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Công Ty TNHH MTV**  
**Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**Tổng Giám đốc**  
**Trần Châu Danh**